

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến

Bà Phùng Thị Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Ninh Bình** tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – N sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST - DS ngày 13/03/2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 18/08/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 08/9/52025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1); địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, thành phố Hồ Chí Minh). Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H - Giám đốc THN trực tiếp và XLN Vùng, theo Ủy quyền số 232644.24 ngày 23/10/2024 của Giám đốc Khối mạng lưới kinh doanh NHBL; địa chỉ: Tòa nhà C, số D T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường K, TP Hà Nội)

Đại diện theo ủy quyền lại là bà Đinh Thị Hồng G, sinh năm 1991 – Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 250299.24 ngày 12/11/2024).

Bị đơn: Vợ chồng anh Đỗ Văn B, sinh năm 1984 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1985; cùng trú tại: Thôn B, xã K, tỉnh Ninh Bình;

(Có mặt tại phiên tòa bà Đinh thị Hồng G; vắng mặt anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

Trên cơ sở đề nghị vay vốn của anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T. Ngân hàng TMCP Q (V1) – CN Đồng Đ đã ký với chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 với số tiền vay đã giải ngân vào ngày 18/11/2020 là 296.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng); mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu M; thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 19/11/2020 đến ngày 18/11/2028; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ Ngày giải ngân Khoản Vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25. Mỗi tháng trả 3.084.000 số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/12/2020; hoàn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế; trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

-Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên của anh B, chị T : 01 xe ô tô nhãn hiệu: Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 031168 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 17/11/2020. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 8112139.20 ngày 18/11/2020. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

V1 đã giải ngân cho vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B theo các Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số: 1760313(1).20 ngày 18/11/2020 với số tiền 296.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD; HĐTC đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/12/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 04 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N. Tạm tính đến ngày 24/9/2025, chị T và anh B đã thanh toán cho V1 số tiền là 200.913.400 đồng (trong đó: gốc là 111.052.521 đồng, lãi trong hạn là 89.139.069 đồng, lãi quá hạn là 721.810đồng).

Tính đến ngày 24/9/2025, chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B còn nợ VIB theo hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 là 260.005.529 đồng, Nợ gốc là: 184.947.479 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.687.004 đồng đồng, nợ lãi quá hạn là: 63.371.046 đồng.

VIB đề nghị Tòa án buộc chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B trả ngay cho V1 theo hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 số tiền (tạm tính đến ngày 24/9/2025) là: 260.005.529 đồng, Nợ gốc là: 184.947.479 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.687.004 đồng, nợ lãi quá hạn là: 63.371.046 đồng. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của khoản vay cho đến ngày chị T và anh B thực tế thanh toán hết nợ cho V1. Trong trường hợp chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B không trả đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1, thì VIB có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay cụ thể là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031168 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 17/11/2020, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải 8112139.20 ngày 18/11/2020. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

** Trong bản tự khai và các văn bản trình bày, bị đơn (Phạm Thị T) trình bày:*

Ngày 18/11/2020, vợ chồng chị có vay của Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền là 296.000.000 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 để Vay mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031168 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 17/11/2020. Các điều khoản vay, lãi suất, thời hạn vay, tài sản bảo đảm vợ chồng chị T đã được ngân hàng V1 giải thích rõ trước khi ký hợp đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 18/11/2020, giữa V1 và anh Đỗ Văn B, chị Phạm Thị T đã giao kết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải 8112139.20 ngày 18/11/2020. Việc thế chấp đã được lập thành văn bản công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Do việc làm ăn gặp khó khăn nên không có đủ khả năng trả nợ cho ngân hàng dẫn đến nợ quá hạn. Vợ chồng chị T cũng đã nhận được các văn bản thông báo yêu cầu trả nợ, văn bản thanh toán nợ trước hạn của V1.

Hiện VIB đang khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T trả nợ, vụ án đang được TAND Khu vực 4 - Ninh Bình (trước đây là TAND huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình) giải quyết.

Đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031168 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 17/11/2020 hiện do anh Đỗ Văn B quản lý, sử dụng.

Chị Phạm Thị T chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của V1 đối với hợp đồng cho vay đã ký với V1 (về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất) và đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc nhận ủy quyền lại, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

* Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Căn cứ Điều 299; 317, 318, 319, 320, 322, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Điều 26, Điều 39, Điều 147; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V1). Buộc anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T phải trả cho V1 tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 24/9/2025 bao gồm cả gốc và lãi là 260.005.529 đồng trong đó: Nợ gốc là: 184.947.479 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.687.004 đồng, nợ lãi quá hạn là: 63.371.046 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020.

Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V1), ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải 8112139.20 ngày 18/11/2020 để đảm bảo cho khoản vay của anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T để thu hồi nợ là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031168 do Phòng C

Công an tỉnh N cấp ngày 17/11/2020, mang tên Đỗ Văn B.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, anh B và chị T có nghĩa vụ trả nợ cho V1 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ vay.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Các bên ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đã thỏa thuận: Khi có tranh chấp xảy ra mà các bên không giải quyết bằng thương lượng được thì Tòa án giải quyết là Tòa án nơi bị đơn cư trú theo hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 kèm Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải 8112139.20 ngày 18/11/2020. VIB khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngân hàng TMCP Q (V1) khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và người bị kiện là anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T với nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T có địa chỉ tại thôn B, xã K, tỉnh Ninh Bình. Đây là tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng vay tài sản giữa một bên là Ngân hàng (tổ chức tín dụng) và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T theo quy định tại Điều 178 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị T và anh B vẫn cư trú và sinh sống tại địa phương. Qua lời khai chị Phạm Thị T cho biết: Anh B đã mang xe ô tô đi khỏi địa phương thì thoảng anh B về nhà vài hôm xong lại đi. Vợ chồng chị liên hệ với nhau qua điện thoại, khi nhận được các văn bản của Tòa án tổng đạt chị cũng đã chụp ảnh gửi ngay cho anh B để anh B thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chị Phạm Thị T đã trực tiếp lên Tòa án nộp bản tự khai và hợp tác khi tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng như: Xem xét thẩm định tại chỗ, hòa giải, công

khai chứng cứ, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ nhất chị T và anh B vắng mặt không có lý do. Như vậy, đây là lần thứ hai anh B và chị T vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là anh B và chị T là đúng quy định của pháp luật. Ngày 04/6/2025, Tòa án đã tiến hành xem xét tại chỗ tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là chiếc xe oto nhãn hiệu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92 nhưng phía bị đơn là anh Đỗ Văn B hiện đang quản lý và sử dụng xe, anh B không hợp tác không đưa xe về địa điểm Tòa án yêu cầu nên việc xem xét tại chỗ để định giá chiếc xe không thể tiến hành được.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng đã ký kết:

Ngày 18/11/2020 vợ chồng anh Đỗ Văn B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1760313.20 với Ngân hàng TMCP Q (V1) vay số tiền 296.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T mới trả được số tiền 200.913.400 đồng (trong đó: gốc là 111.052.521 đồng, lãi trong hạn là 89.139.069 đồng; lãi quá hạn/phí là 721.810 đồng) ; Sau đó đã không thực hiện nghĩa vụ của mình đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 25/12/2023. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay anh B và chị T vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V1

[3.2] Về lãi suất:

Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà V1 yêu cầu Tòa án giải quyết với khoản vay của anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020. Do anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V1 đã chuyển toàn bộ số toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 25/12/2023 và bắt đầu tính lãi quá hạn theo thỏa thuận giữa các bên đã được giao kết tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1760313(1).20 ngày 18/11/2020.

Hàng tháng vào ngày 25 mỗi tháng, anh B và chị T phải trả 3.084.000đ số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/12/2020. Ngày trả lãi đầu tiên là vào 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Lãi suất tại thời điểm giải ngân

là 8,9%/năm; lãi suất tính lãi cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của V1 từng thời kỳ. Mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính từ ngày khoản tiền dư nợ gốc đó đến hạn phải thanh toán. Ngoài ra bất kỳ khoản tiền lãi đến hạn thanh toán chưa thanh toán sẽ phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên khoản tiền lãi chậm trả từ ngày khoản tiền lãi đó phải thanh toán.

Tính đến hết ngày 24/9/2025, vợ chồng anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T đã thanh toán cho V1 số tiền là 200.913.400 đồng (trong đó: gốc là 111.052.521 đồng, lãi trong hạn là 89.139.069 đồng, lãi quá hạn là 721.810 đồng); số tiền còn nợ lại tính đến hết ngày 24/9/2025 bao gồm cả gốc và lãi là 260.005.529 đồng trong đó: Nợ gốc là: 184.947.479 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.687.004 đồng, nợ lãi quá hạn là: 63.371.046 đồng

Xét thấy V1 áp dụng mức lãi suất phải trả là phù hợp các điều khoản thỏa thuận về lãi đã ký kết của Hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 về lãi suất, phương pháp tính lãi và điều khoản, điều kiện cấp tín dụng; phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 7, 8, 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử buộc anh B và chị T trả cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 tổng số tiền nợ tính **đến hết ngày 24/9/2025 là** 260.005.529 đồng trong đó: Nợ gốc là: 184.947.479 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.687.004 đồng, nợ lãi quá hạn là: 63.371.046 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020.

[3.3] Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay đối Hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 tại V1, bên vay vợ chồng anh B, chị T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92. Hợp đồng thế chấp quyền tài sản giữa anh B, chị T và V1 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp.

Tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của anh B và chị T để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của anh chị đối với Ngân hàng nên Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh B và chị T không thực hiện hoặc thực

hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho V1 thì VIB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh B và chị T để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với thỏa thuận của các đương sự được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp và trong Hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: VIB không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: VIB được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng chẵn)

[6] Quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 280, 292; 299; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Các Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V1) đối với anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T.

- Buộc anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T phải trả cho V1 tổng số tiền tính đến hết ngày 24/9/2025 là 260.005.529 đồng trong đó: Nợ gốc là: 184.947.479 đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.687.004 đồng đồng, nợ lãi quá hạn là: 63.371.046 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1760313.20 ngày 18/11/2020 .

2. Xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho V1 thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh B và chị T với VIB số 8112139.20 ngày 18/11/2020 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp cho khoản vay của anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại: Attrage, biển kiểm soát: 35A-209.92 mang tên Đỗ Văn B, giấy chứng nhận đăng ký xe số 031168 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh N cấp ngày 17/11/2020 mang tên chủ xe Đỗ Văn B.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, anh B và chị T có nghĩa vụ trả nợ cho V1 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ vay.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Q không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho V1 số tiền 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001772 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

- Anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng chẵn)

Án xử công khai sơ thẩm VIB có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn B và chị Phạm Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh